

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 46

11/05/2023 10:51:00 AM

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

- |                        |                            |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Phạm Ánh Dương  | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Phạm Hoàng Việt | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |
| 3. Ông Nguyễn Lê Trung | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |
| 4. Bà Hòa Thị Thu Hà   | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |
| 5. Ông Phạm Đình Ngu   | Ủy viên Hội đồng Quản trị  |

**Ban Kiểm soát**

- |                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Giang   | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt | Ủy viên              |
| 3. Bà Văn Thị Lan Anh    | Ủy viên              |

**Ban Tổng Giám đốc**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Lê Trung      | Tổng Giám đốc  |
| 2. Ông Phạm Hoàng Việt      | Phó Tổng Giám đốc                                      |
| 3. Bà Trần Thị Thoàn        | Phó Tổng Giám đốc                                      |
| 4. Bà Đặng Thị Quỳnh Phương | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2017) |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Lê Trung", written over the stamp.

---

**Nguyễn Lê Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 020101/2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2018-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và  
Tư vấn Tài chính Quốc tế**

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**Trần Thiện Thanh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.592.473.382.389</b>	<b>1.123.392.357.975</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>385.121.136.250</b>	<b>271.195.540.667</b>
1. Tiền	111		90.325.084.055	119.168.304.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		294.796.052.195	152.027.236.397
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	50.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>719.353.770.982</b>	<b>392.511.532.808</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	411.299.153.249	204.674.630.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	169.027.027.329	148.079.904.039
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	60.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	79.027.590.404	40.224.129.892
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(467.131.238)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>410.223.409.952</b>	<b>417.363.145.829</b>
1. Hàng tồn kho	141		410.223.409.952	417.363.145.829
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.775.065.205</b>	<b>42.322.138.671</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	15.694.035.334	21.266.549.943
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.081.029.871	21.055.588.728
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.124.783.920.813</b>	<b>1.661.629.490.029</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.916.634.235.767</b>	<b>1.304.914.037.031</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.843.161.063.205	1.232.275.819.024
- Nguyên giá	222		2.301.366.557.311	1.573.025.768.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.205.494.106)	(340.749.949.901)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	73.473.172.562	72.638.218.007
- Nguyên giá	228		78.363.572.029	75.966.426.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.890.399.467)	(3.328.208.022)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>54.704.144.626</b>	<b>208.354.542.284</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	54.704.144.626	208.354.542.284
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>125.084.851.243</b>	<b>126.274.171.611</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.14	127.367.618.356	93.367.618.356
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.15	-	32.906.553.255
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.282.767.113)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.360.689.177</b>	<b>22.086.739.103</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	28.360.689.177	22.086.739.103
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.717.257.303.202</b>	<b>2.785.021.848.004</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.354.286.291.717</b>	<b>1.879.120.984.366</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.592.710.963.365</b>	<b>1.051.544.496.328</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	436.755.772.880	301.189.460.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	10.134.285.292	10.691.662.256
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	9.862.131.252	6.473.529.463
4. Phải trả người lao động	314		11.239.249.675	8.583.828.552
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.490.233.226	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.723.386.431	5.243.946.325
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.119.481.663.635	719.337.640.571
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.240.974	24.428.254
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>761.575.328.352</b>	<b>827.576.488.038</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	761.575.328.352	827.576.488.038
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.362.971.011.485</b>	<b>905.900.863.638</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>1.362.971.011.485</b>	<b>905.900.863.638</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		835.999.880.000	569.649.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		835.999.880.000	569.649.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		198.078.767.329	160.721.267.329
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.986.236.108	33.886.962.310
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.612.477.781	11.612.477.781
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		276.293.650.267	130.030.276.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		54.604.316.843	51.280.874.906
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		221.689.333.424	78.749.401.312
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.717.257.303.202</b>	<b>2.785.021.848.004</b>

  
\_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hòe**  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
**Hòa Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.550.043.848.026	2.054.755.011.168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.094.868.449	1.607.150.157
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	3.543.948.979.577	2.053.147.861.011
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.122.247.212.703	1.790.221.564.273
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		421.701.766.874	262.926.296.738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	100.486.431.182	27.383.398.861
7. Chi phí tài chính	22	6.4	86.733.404.580	49.381.124.579
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.238.546.834	23.874.478.344
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	73.198.326.541	42.175.002.551
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	63.878.559.030	55.359.918.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		298.377.907.905	143.393.650.453
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.203.762.549	8.057.236.655
12. Chi phí khác	32	6.7	385.326.407	22.255.986
13. Lợi nhuận khác	40		1.818.436.142	8.034.980.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		300.196.344.047	151.428.631.122
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	48.882.016.623	20.779.241.810
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		251.314.327.424	130.649.389.312

  
\_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hòa**  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
**Hòa Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>300.196.344.047</b>	<b>151.428.631.122</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	147.426.582.224	79.588.965.601
Các khoản dự phòng	03	2.282.767.113	467.131.238
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.434.725.654	10.341.639.424
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(81.997.774.190)	(16.371.512.626)
Chi phí lãi vay	06	72.238.546.834	23.874.478.344
<b>3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</b>	<b>08</b>	<b>442.581.191.682</b>	<b>249.329.333.103</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(399.462.959.538)	(228.439.200.246)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	7.139.735.877	(232.352.735.608)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	13.775.331.012	196.344.837.711
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(701.435.465)	(15.990.246.627)
Tiền lãi vay đã trả	14	(68.748.313.608)	(23.874.478.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.446.243.496)	(19.846.985.339)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	142.062.411.459	82.589.244.341
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(11.359.025.357)	(3.926.400.997)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>79.840.692.566</b>	<b>3.833.367.994</b>

123  
TY  
HỮU H  
N VÀ  
CHÍNH  
Ệ  
T.P.H

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(485.222.624.052)	(1.012.094.415.910)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	486.363.637	27.305.278.908
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(260.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	150.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(85.000.000.000)	182.297.428.509
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	150.547.322.000	9.726.330.554
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.554.322.946	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(513.634.615.469)</b>	<b>(792.765.377.939)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	303.752.500.000	84.247.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.439.457.269.844	2.255.379.285.446
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.108.756.358.374)	(1.533.347.859.562)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.666.597.750)	(86.362.442.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>547.786.813.720</b>	<b>719.916.483.784</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>113.992.890.817</b>	<b>(69.015.526.161)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>271.195.540.667</b>	<b>340.135.133.873</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(67.295.234)	75.932.955
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>385.121.136.250</b>	<b>271.195.540.667</b>

  
\_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hòa**  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
**Hòa Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.688 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.589 người).

**Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng tương đương với 83.599.988 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 3 Công ty con sau:*

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa Plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa (PE, PP).

2. Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO., LTD.

Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

3. Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 0801225485 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 12 năm 2017.

Trụ sở của Công ty con tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**Trong năm 2017, Công ty và các công ty con có những sự kiện ảnh hưởng đến cơ cấu doanh nghiệp, cụ thể như sau:**

{a} Các thành viên hội đồng quản trị chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát cho Công ty Cổ phần An Phát Holdings thông qua sản chứng khoán.

{b} Ngày 12 tháng 04 năm 2017, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã hoàn thành nội dung thoái vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (mã cổ phiếu HII). Đến thời điểm hoàn thành giao dịch, tổng vốn đầu tư còn lại tại HII là 48.000.000.000 đồng; chiếm tỷ lệ 35,29%. Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là cổ đông sáng lập nắm giữ quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm giữ quyền bỏ nhiệm Giám đốc Công ty. Như vậy, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái vẫn hoạt động với tư cách là công ty con của Công ty CP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

{c} Theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 199/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 6 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã Chứng khoán là HII, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành là 13.600.000 cổ phiếu. Ngày niêm yết có hiệu lực là ngày 14 tháng 6 năm 2017; ngày chính thức giao dịch là ngày 22 tháng 06 năm 2017.

Cũng theo Biên bản nói trên, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua việc góp vốn thành lập công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ sở hữu tương ứng của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái trong Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành là 51%.

{d} Ngày 10 tháng 01 năm 2017, Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 966.582 cổ phiếu VBC (Mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Vinh). Trong phiên giao dịch toàn bộ cổ phiếu VBC mà Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ được chuyển nhượng với giá bình quân 71.000 đồng/cổ phiếu.

{e} Ngày 28 tháng 2 năm 2017, theo Biên bản họp Hội đồng Cổ đông thường niên số 2802/2017/BB-ĐHĐ, Công ty Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã thông qua việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Liên vận An Tín với số vốn góp thêm là 51.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái trong Công ty Cổ phần Liên vận An Tín là 51%.

{f} Ngày 23 tháng 10 năm 2017, Nghị quyết của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát thông qua quyết định góp vốn thành lập Công ty con Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), trong đó Công ty góp 65.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ sở hữu 65%. Ngày 29 tháng 11 năm 2017, nội dung góp vốn cho Công ty con đã hoàn thành.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

01  
TRÁC  
KIẾ  
TỬ V  
C  
H)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Cây lấy nấm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05 - 25
Tài sản khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất nhà đào tạo	20
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	45
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	21
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	37,5
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Quyền sử dụng đất nhà máy 7	18
Phần mềm máy vi tính	03

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều niên độ thì doanh thu được ghi nhận trong niên độ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của niên độ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy số 3, Nhà máy 6 và Nhà máy 7 hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2017 là năm thứ hai nhà máy số 5 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	15.813.643.990	687.420.079
Tiền gửi ngân hàng	74.509.885.265	118.480.884.191
Tiền đang chuyển	1.554.800	-
Các khoản tương đương tiền (*)	294.796.052.195	152.027.236.397
<b>Cộng</b>	<b>385.121.136.250</b>	<b>271.195.540.667</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng lãi suất từ 4,5%/năm - 5,4%/năm tại các ngân hàng. Cụ thể như sau:

<b>Ngân hàng</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Ngân hàng Xăng Dầu Petrolimex	58.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	101.796.052.195	52.250.969.175
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh SGD 1	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	58.246.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	21.529.767.222
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đống Đa	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>294.796.052.195</b>	<b>152.027.236.397</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

- {a} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 744/HĐTP/VPBS/ATK-Q/HO ngày 8 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 300.000 trái phiếu của Công ty TNHH ATAKA với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 30 tỷ đồng chẵn.
- {b} Theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 743/HĐTP/VPBS/ATK-Q/HO ngày 8 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đặt mua 200.000 trái phiếu của Công ty TNHH MTV ATAKA với mệnh giá là 100.000 đồng, tổng số tiền là 20 tỷ đồng chẵn.

**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Phải thu khách hàng trong nước	139.596.334.488	28.964.897.691
Phải thu khách hàng nước ngoài	271.702.818.761	175.709.732.424
<b>Cộng</b>	<b>411.299.153.249</b>	<b>204.674.630.115</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)</b>	<b>125.481.368.910</b>	<b>5.315.169.086</b>

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Trả trước cho người bán trong nước	36.476.533.055	38.175.530.500
Trả trước cho người bán nước ngoài	132.550.494.274	109.904.373.539
<b>Cộng</b>	<b>169.027.027.329</b>	<b>148.079.904.039</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)</b>	<b>12.391.635.271</b>	<b>1.271.234.275</b>

**5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

- {a} Khoản cho vay cá nhân anh Phạm Thanh Bình theo hợp đồng số 012/2017 ngày 5 tháng 12 năm 2017 với số tiền bằng 30 tỷ đồng. Lãi suất cho vay bằng 6%/năm. Tiền gốc và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- {b} Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 08122017-02/AP-YB ngày 8 tháng 12 năm 2017 và hợp đồng vay vốn số 08122017-01/AP-YB ngày 8 tháng 12 năm 2017 với số tiền bằng 30 tỷ đồng trong thời hạn 03 tháng, lãi suất bằng 6%/Năm. Tiền gốc và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tạm ứng	34.500.161.000	8.178.822.238
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.920.021.285	3.789.210.700
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	10.000.000.000	28.091.050.852
- Kho bạc nhà nước tỉnh hải dương - Cục thuế tỉnh Hải Dương (tiền hỗ trợ tiền thuê đất tại nhà máy 6 từ tháng 6/2017 đến T4/2043)	18.481.993.000	-
- Phải thu khác	8.125.415.119	165.046.102
<b>Cộng</b>	<b>79.027.590.404</b>	<b>40.224.129.892</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,  
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	9.915.036.980	-	26.925.196.561	-
Nguyên liệu, vật liệu	296.407.270.975	-	299.399.413.447	-
Công cụ, dụng cụ	15.154.158.019	-	11.393.154.789	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.174.471.739	-	16.064.918.516	-
Thành phẩm	73.572.472.239	-	63.580.462.516	-
<b>Cộng</b>	<b>410.223.409.952</b>	-	<b>417.363.145.829</b>	-

**5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2017		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	867.648	867.648	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	2.987.347.218	2.987.347.218	2.987.347.218	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.861.583.442	9.861.583.442	48.882.016.623	45.446.243.496	45.446.243.496	6.425.810.315	6.425.810.315	
Thuế thu nhập cá nhân	547.810	547.810	3.552.716.433	3.599.020.123	3.599.020.123	46.851.500	46.851.500	
Các loại thuế khác	-	-	1.930.317.943	1.930.317.943	1.930.317.943	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>9.862.131.252</b>	<b>9.862.131.252</b>	<b>57.352.398.217</b>	<b>53.963.796.428</b>	<b>53.963.796.428</b>	<b>6.473.529.463</b>	<b>6.473.529.463</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm		Tài sản cố định hữu hình khác		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>													
Tại ngày 01/01/2017	359.530.452.771	1.076.599.310.869	97.902.652.803	5.396.869.578	13.650.983.000	19.945.499.904	1.573.025.768.925						
Mua trong năm	13.607.480.014	137.099.822.486	55.613.759.295	806.014.400	-	1.348.959.000	208.476.035.195						
Đầu tư XD/CB hoàn thành	159.810.976.981	373.868.959.206	12.565.016.465	88.550.000	-	2.623.778.251	548.957.280.903						
Thanh lý, nhượng bán	-	(29.092.527.712)	-	-	-	-	(29.092.527.712)						
Tại ngày 31/12/2017	532.948.909.766	1.558.475.564.849	166.081.428.563	6.291.433.978	13.650.983.000	23.918.237.155	2.301.366.557.311						

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2017	37.622.563.378	271.712.006.844	21.719.040.638	1.266.660.094	4.399.277.515	4.030.401.432	340.749.949.901						
Khấu hao trong năm	19.061.016.446	108.395.094.931	14.843.241.431	705.421.247	755.754.504	2.103.862.220	145.864.390.779						
Thanh lý, nhượng bán	-	(28.408.846.574)	-	-	-	-	(28.408.846.574)						
Tại ngày 31/12/2017	56.683.579.824	351.698.255.201	36.562.282.069	1.972.081.341	5.155.032.019	6.134.263.652	458.205.494.106						

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2017	321.907.889.393	804.887.304.025	76.183.612.165	4.130.209.484	9.251.705.485	15.915.098.472	1.232.275.819.024						
Tại ngày 31/12/2017	476.265.329.942	1.206.777.309.648	129.519.146.494	4.319.352.637	8.495.950.981	17.783.973.503	1.843.161.063.205						

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.843.161.063.205 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.232.275.819.024 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 23.575.867.482 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.266.362.843 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	<b>75.827.426.029</b>	<b>139.000.000</b>	<b>75.966.426.029</b>
Tăng trong năm	21.156.593.000	137.500.000	21.294.093.000
Giảm khác (*)	(18.896.947.000)	-	(18.896.947.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>78.087.072.029</b>	<b>276.500.000</b>	<b>78.363.572.029</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	<b>3.239.735.804</b>	<b>88.472.218</b>	<b>3.328.208.022</b>
Khấu hao trong năm	1.510.384.550	51.806.895	1.562.191.445
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>4.750.120.354</b>	<b>140.279.113</b>	<b>4.890.399.467</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	<b>72.587.690.225</b>	<b>50.527.782</b>	<b>72.638.218.007</b>
Tại ngày 31/12/2017	<b>73.336.951.675</b>	<b>136.220.887</b>	<b>73.473.172.562</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 73.473.172.562 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 72.638.218.007 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 32.000.000 đồng).

- (\*) Tiền hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy 6 theo công văn số 4806/XN-CT của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất diện tích đất thuê: 99.212 m<sup>2</sup> - NM6, thời gian thuê đất đến hết 15 tháng 8 năm 2064. Theo đó, tổng số tiền hỗ trợ là 18.896.947.000 đồng, được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của Công ty Cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát từ tháng 6 năm 2017 đến hết tháng 12 năm 2043.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	-	161.966.410.420
- Xây dựng cơ bản dở dang		78.649.756.367
- Mua sắm máy móc thiết bị		83.316.654.053
Nhà máy số 7	-	41.809.579.319
- Xây dựng cơ bản dở dang		40.297.183.319
- Mua sắm máy móc thiết bị		1.512.396.000
Nhà điều hành	-	4.181.074.545
- Xây dựng cơ bản dở dang		4.181.074.545
Cải tạo nhà máy số 2 và 3		223.746.000
Cải tạo nhà máy số 5		173.732.000
Nhà máy số 8	53.065.449.171	-
Xây dựng cơ bản dở dang	46.376.462.282	-
Mua sắm máy móc thiết bị	6.688.986.889	-
Nhà đào tạo	1.638.695.455	-
<b>Cộng</b>	<b>54.704.144.626</b>	<b>208.354.542.284</b>

**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Kinh phí công đoàn;	123.329.400	410.413.724
- Bảo hiểm xã hội;	-	8.394.100
- Bảo hiểm y tế;	52.015	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	99.366	1.159.045
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	292.987.542	219.231.292
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	1.306.918.108	4.604.748.164
<b>Cộng</b>	<b>1.723.386.431</b>	<b>5.243.946.325</b>

**5.13. Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.694.035.334	21.266.549.943
<b>Cộng</b>	<b>15.694.035.334</b>	<b>21.266.549.943</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.360.689.177	22.086.739.103
<b>Cộng</b>	<b>28.360.689.177</b>	<b>22.086.739.103</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.14 Đầu tư vào Công ty con**

**a. Chi tiết đầu tư Công ty con**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (Mã CK: HII)	48.000.000.000	139.200.000.000	-	79.000.000.000 (**)
Công ty TNHH Nhựa Thakhek	14.367.618.356	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	65.000.000.000	(*)	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>127.367.618.356</b>		<b>-</b>	<b>93.367.618.356</b>

(\*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

(\*\*) Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính toán theo giá trị thị trường của cổ phiếu HII, giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 29.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu nắm giữ là 4.800.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quyết định số 199/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 06 năm 2017 nên tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,  
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.14 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)****b. Thông tin chi tiết hoạt động của Công ty con**

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Yên Bái	35,29%	60,00%	Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; sản xuất các sản phẩm nhựa (PP,PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.
2.	Công ty TNHH Nhựa Thakhek	CHDCND Lào	100,00%	100,00%	Mua bán nhựa từ nước ngoài và nội địa nước CHDCND Lào; Sản xuất hạt nhựa tái chế.
3	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Hải Dương	65,00%	65,00%	Ngành nghề kinh doanh chính là Sản xuất nhựa công nghệ cao; lĩnh vực điện tử

**5.15 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	-	-	-	67.660.740.000
<b>Cộng</b>	-	-	-	<b>67.660.740.000</b>

(i) Giá trị hợp lý được tính toán bằng cách lấy giá đóng cửa của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán VBC) nhân (x) với số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đang nắm giữ cùng ngày. Giá đóng cửa của VBC trên sàn HNX tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 70.000 đồng/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.16 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	397.593.821.324	397.593.821.324	264.563.403.829	264.563.403.829
Phải trả nhà cung cấp trong nước	39.161.951.556	39.161.951.556	36.626.057.078	36.626.057.078
<b>Cộng</b>	<b>436.755.772.880</b>	<b>436.755.772.880</b>	<b>301.189.460.907</b>	<b>301.189.460.907</b>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan  
 (Chi tiết thuyết minh 7.2)

**5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Người mua trả tiền trước nước ngoài	9.771.341.258	9.771.341.258	9.328.214.301	9.328.214.301
Người mua trả tiền trước trong nước	362.944.034	362.944.034	1.363.447.955	1.363.447.955
<b>Cộng</b>	<b>10.134.285.292</b>	<b>10.134.285.292</b>	<b>10.691.662.256</b>	<b>10.691.662.256</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**  
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,  
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Mẫu số B 09 - DN**  
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>1.119.481.663.635</b>	<b>1.119.481.663.635</b>	<b>2.735.225.342.727</b>	<b>2.270.770.177.264</b>	<b>655.026.498.172</b>	<b>655.026.498.172</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	493.974.718.525	493.974.718.525	1.078.394.174.576	835.916.182.899	251.496.726.848	251.496.726.848
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (ii)	157.618.203.194	157.618.203.194	303.390.235.013	145.772.031.819	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	128.660.085.386	128.660.085.386	497.044.864.754	540.012.912.969	171.628.133.601	171.628.133.601
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)- Sở Giao Dịch I (iv)	109.362.113.663	109.362.113.663	112.438.369.126	3.076.255.463	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (v)	91.922.518.634	91.922.518.634	243.512.685.261	251.166.621.444	99.576.454.817	99.576.454.817
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vi)	60.995.995.794	60.995.995.794	298.853.515.318	332.501.377.815	94.643.858.291	94.643.858.291
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong VN- Chi nhánh Hà Nội (vii)	44.070.831.263	44.070.831.263	44.070.831.263	-	-	-
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (viii)	32.877.197.176	32.877.197.176	157.520.667.416	162.324.794.855	37.681.324.615	37.681.324.615
<b>Cộng</b>	<b>1.119.481.663.635</b>	<b>1.119.481.663.635</b>	<b>2.735.225.342.727</b>	<b>2.270.770.177.264</b>	<b>655.026.498.172</b>	<b>655.026.498.172</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (tiếp theo)	-	-	95.025.213.189	159.336.355.588	64.311.142.399	64.311.142.399
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	20.430.061.989	50.577.046.494	30.146.984.505	30.146.984.505
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	3.043.210.500	33.139.883.700	30.096.673.200	30.096.673.200
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	58.978.465.500	63.045.950.194	4.067.484.694	4.067.484.694
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	-	-	12.573.475.200	12.573.475.200	-	-
<b>Vay tổ chức</b>	-	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	-	-
Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.119.481.663.635</b>	<b>1.119.481.663.635</b>	<b>2.860.250.555.916</b>	<b>2.460.106.532.852</b>	<b>719.337.640.571</b>	<b>719.337.640.571</b>

(1) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 04.05/CNHD9/2017/HĐCVHM/ANPHAT ngày 04 tháng 05 năm 2017 với hạn mức cho vay là 500 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 660.364/2017/HĐTĐHM-DN/PGbankHD ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức cho vay là 7.000.000 USD hoặc quy đổi Việt Nam Đồng tương đương. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 20 tháng 02 năm 2018, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay theo kế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ luân chuyển tại nhà máy III của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát theo hợp đồng thế chấp số 142/HĐTĐC/PGBHD-17 ngày 06 tháng 06 năm 2017.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170071/NHNTHD ngày 10 tháng 08 năm 2017 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất vay được quy định từng giây nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1347719/HĐTĐ ngày 17 tháng 03 năm 2017 với tổng số tiền là 200 tỷ đồng bao gồm cả VND và ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ký hợp đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(v) Vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13258.17.270.300401.TD ngày 31 tháng 07 năm 2017. Với hạn mức cho vay là 160 tỷ đồng, thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 07 tháng 07 năm 2018, lãi suất vay phụ thuộc vào từng kế ước nhận nợ, thời hạn các khoản hạn mức không được quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1347719/HĐTĐHM ngày 17 tháng 04 năm 2017. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 03 năm 2018. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HN/2017/09/BCB/HDTD ngày 23 tháng 05 năm 2017. Với hạn mức cho vay là 2.000.000 USD, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 11 năm 2017, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay bằng VND là 6,54%/năm, Lãi suất vay bằng USD là 2,54%/năm. Mục đích vay để tài trợ nhập khẩu nguyên vật liệu. Khoản vay được đảm bảo bằng Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn trị giá 5 tỷ đồng và bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Lê Trung - Tổng Giám đốc.

(viii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 21 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay là 8.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng mở từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	262.972.828.352	262.972.828.352	105.315.463.770	130.749.983.456	288.407.348.038	288.407.348.038
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	93.200.000.000	93.200.000.000	-	27.100.000.000	120.300.000.000	120.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	81.465.767.990	81.465.767.990	22.230.000.000	20.461.267.116	79.697.035.106	79.697.035.106
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (iii)	53.639.822.862	53.639.822.862	48.722.552.000	46.681.970.870	51.599.241.732	51.599.241.732
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I (iv)	34.667.237.500	34.667.237.500	34.362.911.770	9.121.745.470	9.426.071.200	9.426.071.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	-	27.385.000.000	27.385.000.000	27.385.000.000
<b>Vay cá nhân</b>	21.000.000.000	21.000.000.000	85.400.000.000	157.006.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000
- Nguyễn Thanh Hằng (v)	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-	-
- Các cá nhân khác	-	-	64.400.000.000	157.006.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000
<b>Vay tổ chức (vi)</b>	149.690.000.000	149.690.000.000	390.650.000.000	240.960.000.000	-	-
Cty TNHH Dương Phạm Investment	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Cty TNHH đầu tư Việt Và Dương	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Cty TNHH đầu tư Trung và Hòa	49.690.000.000	49.690.000.000	49.690.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần An phát Holdings	-	-	220.960.000.000	220.960.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Trái phiếu phát hành (vii)</b>	327.912.500.000	327.912.500.000	1.350.000.000	120.000.000.000	446.562.500.000	446.562.500.000
<b>Cộng</b>	761.575.328.352	761.575.328.352	582.715.463.770	648.716.623.456	827.576.488.038	827.576.488.038

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

(i) Vay trung hạn dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hai hợp đồng sau:

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9.3%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận tại thời điểm chính của Ngân hàng tại thời điểm chính 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thời mông nhựa. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận tại thời điểm chính của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hàng tồn kho chậm luân chuyển.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4.470.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình máy che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7.968.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9.886.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 4/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 25 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.970.000.000 đồng (Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000 đồng (Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.800.000.000 đồng (8 tỷ tám trăm triệu). Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 29.05.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 560.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để thực hiện dự án đầu tư mua xe oto Mazda 3 2 0 SD phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 29.05/CNHD9/2017/HĐTC/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 805.000.000 đồng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06.06.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/OTO ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.300.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua 10 xe oto Hyundai Grand I10 1.0 MT 2017 -AVN (EU4); 01 xe ô tô Toyota Vios 1.5G và 01 xe ô tô Toyota Hilux 2.4E 4x2T; 02 xe Toyota Vios 1.5G. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)  
Số: .../...  
Ngày: .../.../2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn (tiếp theo)

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/30E-501.05 ngày 25 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.060.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua ô tô con Mercedes G350, biển số 30E-501.05. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03.08/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES- BENZ ngày 23 tháng 08 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1.700.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES ngày 14 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1.700.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12.12/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/24OTO ngày 12 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 8.350.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm 24 xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

(iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung hạn và dài hạn (tiếp theo)

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 03 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.390.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng vay gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3.619.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng vay gồm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.365/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 05 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 44.465.542.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 63.522.204.733 đồng.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.029/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 16 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 424.900.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô VIOS 1.5G CVT. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 607.000.000 đồng.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.028/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 11 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 3.264.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là 01 ô tô Camry 2.0E, 02 xe Fortuner 2.7V 4x2 và 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu SUBARU. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 4.663.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung hạn và dài hạn (tiếp theo)

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.100/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 29 tháng 03 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 2.544.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.634.400.000 đồng.

(iv) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.995.000 USD, quy đổi là 44 tỷ đồng (đồng vay là USD). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định là 20 máy thổi tốc độ cao. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm.

(v) Theo Hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 09 năm 2017 với tổng số tiền vay là 21 tỷ, lãi suất 9,11%/năm. Thời hạn vay từ ngày 29 tháng 12 năm 2016 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018. Mục đích vay trung và dài hạn bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vi) Theo các Hợp đồng vay của các tổ chức có thời hạn 2 năm, lãi suất áp dụng cho khoản vay là 7%/năm. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.19 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

(vii) Trái phiếu phát hành theo các hợp đồng sau:

- Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và đính kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu. Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/ năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; toàn bộ 966.582 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa bao bị Vinh do Công ty nắm giữ và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06 tháng 09 năm 2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành là 06 tháng 09 năm 2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.20 Vốn chủ sở hữu***a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư	Thặng dư	Quý đầu tư	Quý khác thuộc	Lợi nhuận	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>494.999.880.000</b>	<b>147.408.567.329</b>	<b>31.886.168.760</b>	<b>11.612.477.781</b>	<b>95.296.745.891</b>	<b>781.203.839.761</b>
Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	(4.000.000.000)	83.962.700.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	130.649.389.312	130.649.389.312
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.000.793.550	-	(5.365.879.385)	(3.365.085.835)
Trả cổ tức 2015	-	-	-	-	(34.649.991.600)	(34.649.991.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(51.899.988.000)	(51.899.988.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>569.649.880.000</b>	<b>160.721.267.329</b>	<b>33.886.962.310</b>	<b>11.612.477.781</b>	<b>130.030.276.218</b>	<b>905.900.863.638</b>
Vốn góp tăng trong năm (i)	266.350.000.000	37.402.500.000	-	-	-	303.752.500.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	251.314.327.424	251.314.327.424
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	7.099.273.798	-	(18.458.111.875)	(11.358.838.077)
Trả cổ tức năm 2016 (ii)	-	-	-	-	(56.964.988.000)	(56.964.988.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 (iv)	-	-	-	-	(29.624.994.000)	(29.624.994.000)
Giảm khác (iii)	-	(45.000.000)	-	-	-	(45.000.000)
Trả tiền cổ tức năm 2009-2011 cho Bùi Văn Long	-	-	-	-	(2.859.500)	(2.859.500)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>835.999.880.000</b>	<b>198.078.767.329</b>	<b>40.986.236.108</b>	<b>11.612.477.781</b>	<b>276.293.650.267</b>	<b>1.362.971.011.485</b>

(i) Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 25 ngày 08 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 835.999.880.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

(ii) Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11802/2017NQ-ĐHĐ ngày 18 tháng 02 năm 2017, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và tạm chia cổ tức năm 2017 trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2016 với tỷ lệ 77,12%.

(iii) Khoản phí tư vấn liên quan đến tăng vốn.

(iv) Trả cổ tức theo quyết định số 3107/2017/NQ-HĐQT về việc tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017. Thời gian chốt danh sách cổ tức là ngày 15 tháng 08 năm 2017. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 5%/cổ phần được thanh toán bằng tiền mặt.

**b. Cổ phiếu**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.599.988	56.964.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.599.988	56.964.988
- Cổ phiếu phổ thông	83.599.988	56.964.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.599.988	56.964.988
- Cổ phiếu phổ thông	83.599.988	56.964.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.550.043.848.026</b>	<b>2.054.755.011.168</b>
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	2.820.199.636.853	1.692.943.670.173
- Doanh thu bán hàng hóa	727.322.109.355	361.064.925.995
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.522.101.818	746.415.000
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>623.256.593.650</b>	<b>57.062.602.005</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	240.223.376.136	57.062.602.005
Công ty cổ phần An phát Holdings	1.815.032.060	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	927.600.000	-
Công ty cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	380.290.585.454	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>6.094.868.449</b>	<b>1.607.150.157</b>
- Giảm giá hàng bán	1.147.087.478	603.204.566
- Hàng bán bị trả lại	4.947.780.971	1.003.945.591
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.543.948.979.577</b>	<b>2.053.147.861.011</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.404.632.139.731	1.446.163.603.080
Giá vốn hàng hóa đã bán	717.615.072.972	344.057.961.193
<b>Cộng</b>	<b>3.122.247.212.703</b>	<b>1.790.221.564.273</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	8.354.322.946	2.960.256.554
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200.000.000	6.766.074.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.291.339.491	17.657.068.307
Lãi bán cổ phiếu HII	30.920.000.000	-
Lãi bán cổ phần VBC	35.720.768.745	-
<b>Cộng</b>	<b>100.486.431.182</b>	<b>27.383.398.861</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	54.458.913.501	23.874.478.344
Chi phí lãi trái phiếu	17.779.633.333	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.618.552.846	15.165.006.811
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.434.725.654	10.341.639.424
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.282.767.113	-
Chi phí tài chính khác	158.812.133	-
<b>Cộng</b>	<b>86.733.404.580</b>	<b>49.381.124.579</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.898.223.790	9.631.553.450
Chi phí nhân công	17.091.708.954	16.558.679.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.291.022.634	6.815.858.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.166.629.623	12.561.847.739
Chi phí khác bằng tiền	10.430.974.029	9.791.979.131
<b>Cộng</b>	<b>63.878.559.030</b>	<b>55.359.918.016</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	665.180.028	802.588.683
Chi phí nhân công	4.059.640.042	2.675.036.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.120.963.559	4.652.310.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.644.409.116	30.274.054.041
Chi phí khác bằng tiền	9.708.133.796	3.771.013.131
<b>Cộng</b>	<b>73.198.326.541</b>	<b>42.175.002.551</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	6.645.182.072
Các khoản thu nhập khác	2.203.762.549	1.412.054.583
<b>Cộng</b>	<b>2.203.762.549</b>	<b>8.057.236.655</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6.7. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗi thanh lý tài sản cố định	197.317.501	-
Các khoản chi phí khác	188.008.906	22.255.986
<b>Cộng</b>	<b>385.326.407</b>	<b>22.255.986</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng thu nhập trước thuế thu nhập DN</b>	<b>300.196.344.047</b>	<b>151.428.631.122</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(55.426.260.932)</b>	<b>(47.532.422.070)</b>
Cộng: Chi phí không được trừ	2.595.569.239	2.191.227.598
Cộng: Lãi CLTG chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	37.445.560	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	58.059.275.731	49.723.649.668
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>244.770.083.115</b>	<b>103.896.209.052</b>
<b><u>Trong đó:</u></b>		
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	244.770.083.115	103.896.209.052
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>48.954.016.623</b>	<b>20.779.241.810</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	(72.000.000)	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>48.882.016.623</b>	<b>20.779.241.810</b>

**6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.019.157.769.031	1.775.762.351.172
Chi phí nhân công	160.487.563.050	111.331.626.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.426.582.224	79.588.965.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.595.146.788	108.593.795.559
Chi phí khác bằng tiền	20.143.527.155	44.832.481.142
<b>Cộng</b>	<b>2.550.810.588.248</b>	<b>2.120.109.220.448</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Báo cáo bộ phận**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính.

**7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan*

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần An Phát Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	Cổ đông lớn

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:*

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	1.823.024.786	1.515.713.000
<b>Cộng</b>	<b>2.747.024.786</b>	<b>2.439.713.000</b>

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>621.441.561.590</b>	<b>57.062.602.005</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	240.223.376.136	57.062.602.005
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	927.600.000	-
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	380.290.585.454	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>183.649.570.194</b>	<b>46.166.289.028</b>
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	97.859.919.922	46.166.289.028
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	44.662.836.635	-
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	41.126.813.637	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:*

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	6.780.672.411	5.315.169.086
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	118.700.696.499	-
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	12.391.635.271	1.271.234.275
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	115.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	2.001.119.006	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	4.537.926.629	-
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp An Thành	1.922.715.000	-
<b>Các khoản cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	30.000.000.000	-
<b>Các khoản vay</b>		
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Trung và Hòa	49.690.000.000	-

**7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

**7.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

  
\_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hòa**  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
**Hòa Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc



Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2018